2026-2027 USA Fencing Rolling Point Standings
V50MF

RANK	NAME	CURRENT AS OF 10/26/2026 YOB	DIVISION	ROLLING TOTAL	V50 - FEB PLACE	2026 POINTS	V50 - APR PLACE	2026 POINTS	V50 - NTLS PLACE	2026 POINTS	V50 - WORLDS PLACE	2026 POINTS
1	Suarez, Rafael	1972	Gold Coast	1485	1	400	1	400	np	0	8	685
2	Wyszynski, Marek B	1968	Metro NYC	768	2	368	2	368	1	400	9	0
3	Harkins, Craig	1970	Georgia	680	6	278	3	340	3	340	41	0
4T	Gonzalez, John	1972	Metro NYC	620	3	340	5	280	5	280	17	0
4T	Lopez, Reynaldo	1973	Kansas	620	5	280	6	278	3	340	np	0
6	Cho, Michael	1970	Michigan	618	3	340	15	202	6	278	np	0
7	Anderson, Nathan T	1973	Colorado	615	7.5	275	3	340	10	212	np	0
8	Popokh, Leo	1972	North TX	582	9	214	9	214	2	368	np	0
9	Sirico, Thomas P	1972	Capitol	550	12	208	8	274	7	276	np	0
10	Zhao, Zhiyong	1975	Southwest Ohio	482	14	204	7	276	13	206	np	0
11	Habala, Peter	1975	Illinois	418	np	0	11	210	12	208	np	0
12	Riffaterre, Jason	1969	Metro NYC	410	22	130	12	208	15	202	np	0
13	Frenzinger, Douglas	1974	Arizona	406	24	126	13	206	16	200	np	0
14	Wu, Clarence C	1968	San Diego	342	21	132	np	0	11	210	np	0
15	Valentine, Iain	1971	Western Washington	276	20	134	18	138	18	138	np	0
16	Tyshchenko, Andrey	1969	Australia	275	7.5	275	np	0	np	0	18	0
17	Liu, Xiang	1974	Colorado	274	np	0	np	0	8	274	np	0
18	Monsefi, Amir	1970	Southern CA	269	38	65	np	0	14	204	np	0
19T	Rodriguez, Vincent	1977	San Diego	262	np	0	np	0	np	0	np	0
19T	Holcomb, Michael	1977	Oregon	262	np	0	np	0	np	0	np	0
21	de Barros Conti, Thibaut	1975	North TX	259	41	62	21	132	23.5	127	np	0
22	Nicholson II, Michael A	1976	N. Carolina	258	np	0	28	118	17	140	np	0
23	Springer, Michael	1974	New England	251	31	112	25	124	23.5	127	np	0
24	Minott, Nicolas	1972	Utah-S.Idaho	250	33	70	20	134	29	116	np	0
25T	Clayton, Byron	1975	Oregon	248	26	122	24	126	34	69	np	0
25T	Wood, Ben	1975	Metro NYC	248	28	118	22	130	44	59	np	0
27	Kent, Dwain	1971	Kentucky	246	23	128	np	0	28	118	np	0
28	Hernandez, Marc	1973	South TX	244	32	110	np	0	20	134	np	0
29	Berke, Daniel L	1971	Western Washington	234	27	120	31	112	30	114	np	0
30	Rusanov, Oleg	1973	Capitol	224	42.5	60.5	30	114	32	110	np	0
31	*Zhang, Jie*	*1975*	*CAN*	*212*	*10*	*212*	*np*	*0*	*np*	*0*	*np*	*0*
32	Balboa, Rolando M	1970	Metropolitan NYC	209	34	69	17	140	np	0	np	0
33	Way, Kashi	1971	Capitol	206	13	206	np	0	np	0	np	0
34	Joo, Michael	1973	Metro NYC	204	np	0	14	204	np	0	np	0
35	Gearhart, Andrew	1973	Utah-S.Idaho	202	15	202	np	0	np	0	np	0
36T	Tang, Julian	1974	Canada	200	16	200	np	0	np	0	np	0
36T	Tulleners, Christopher	1975	Northern OH	200	np	0	16	200	np	0	np	0
38	Lee, Hans	1974	Maryland	194	25	124	33	70	np	0	np	0
39	Stoy, Patrick	1975	Colorado	185	42.5	60.5	np	0	25	124	np	0
40	Chan, Geoffrey	1971	Philadelphia	183	np	0	27	120	40	63	np	0
41T	Cheng, Thomas	1975	Central FL	140	17	140	np	0	np	0	np	0
41T	Cheng, Norman	1977	Central CA	140	np	0	np	0	np	0	np	0
43	Foellmer, Oliver K	1968	Southern CA	137	18.5	137	np	0	np	0	np	0
44	Lee, Tobias T	1972	Western WA	136	np	0	np	0	19	136	np	0
45	Phillips, Jasper	1973	Oregon	132	np	0	np	0	21	132	np	0
46	Mistretta, Alex	1970	Southern CA	128	np	0	23	128	np	0	np	0
47	Boustany, Marc	1968	Virginia	122	np	0	26	122	np	0	np	0
48T	Jones, Bryan T	1974	North Coast	121	np	0	np	0	26.5	121	np	0
48T	Lee, David S	1975	Central CA	121	np	0	np	0	26.5	121	np	0
50	Towster, Robert	1968	Gulf Coast	120	40	63	np	0	46	57	np	0

np = Did not earn points (including not competing)

2026-2027 USA Fencing Rolling Point Standings
V50MF

RANK	NAME	CURRENT AS OF YOB	10/26/2026 DIVISION	ROLLING TOTAL	V50 - FEB PLACE	2026 POINTS	V50 - APR PLACE	2026 POINTS	V50 - NTLS PLACE	2026 POINTS	V50 - WORLDS PLACE	2026 POINTS
51	Geraci, Paul A	1973	Indiana	114	30	114	np	0	np	0	np	0
52	Maurin, Michael	1972	Utah-S.Idaho	112	np	0	np	0	31	112	np	0
53	Rountree, Andrew	1969	Virginia	110	np	0	32	110	np	0	np	0
54	Ornelas, Polo	1970	Southern CA	70	np	0	np	0	33	70	np	0
55	Smith, Edward (Ted)	1972	Virginia	69	np	0	34	69	np	0	np	0
56T	Korol, Oleg	1971	Central CA	68	np	0	np	0	35	68	np	0
56T	Kim, Ethan	1974	Michigan	68	35	68	np	0	np	0	np	0
58	Guerrero, Gonzalo	1975	Colorado	67	36	67	np	0	np	0	np	0
59T	Denny, Eric	1969	Colorado	66	np	0	np	0	37	66	np	0
59T	Leyland, John	1971	Illinois	66	37	66	np	0	np	0	np	0
61	Walters, John	1973	Western WA	65	np	0	np	0	38	65	np	0
62	Nudelman, Aleksandr	1968	Gold Coast	64	39	64	np	0	np	0	np	0
63	Heinrich, Kevin B	1972	Colorado	62	np	0	np	0	41	62	np	0
64	Phillips, Daniel	1969	Western WA	61	np	0	np	0	42	61	np	0
65	Beasley, Julien	1975	Western WA	60	np	0	np	0	43	60	np	0

np = Did not earn points (including not competing)

2026-2027 USA Fencing Rolling Point Standings
V50MF

CURRENT AS OF 10/26/2026	V40 - FEB PLACE	2026 POINTS	V40 - APR PLACE	2026 POINTS	V40 - NTLS PLACE	2026 POINTS	V40 - WORLDS PLACE	2026 POINTS
Suarez, Rafael	np	0	np	0	np	0	np	0
Wyszynski, Marek B	np	0	np	0	np	0	np	0
Harkins, Craig	np	0	np	0	np	0	np	0
Gonzalez, John	np	0	np	0	np	0	np	0
Lopez, Reynaldo	np	0	np	0	np	0	np	0
Cho, Michael	np	0	np	0	np	0	np	0
Anderson, Nathan T	np	0	np	0	np	0	np	0
Popokh, Leo	np	0	np	0	np	0	np	0
Sirico, Thomas P	np	0	np	0	np	0	np	0
Zhao, Zhiyong	np	0	np	0	np	0	np	0
Habala, Peter	np	0	np	0	np	0	np	0
Riffaterre, Jason	np	0	np	0	np	0	np	0
Frenzinger, Douglas	np	0	np	0	np	0	np	0
Wu, Clarence C	np	0	np	0	np	0	np	0
Valentine, Iain	np	0	np	0	np	0	np	0
Tyshchenko, Andrey	np	0	np	0	np	0	np	0
Liu, Xiang	np	0	np	0	np	0	np	0
Monsefi, Amir	np	0	np	0	np	0	np	0
Rodriguez, Vincent	24	126	19	136	27	120	np	0
Holcomb, Michael	19	136	29	116	24	126	np	0
de Barros Conti, Thibaut	np	0	np	0	np	0	np	0
Nicholson II, Michael A	np	0	np	0	np	0	np	0
Springer, Michael	np	0	np	0	np	0	np	0
Minott, Nicolas	np	0	np	0	np	0	np	0
Clayton, Byron	np	0	np	0	np	0	np	0
Wood, Ben	np	0	np	0	np	0	np	0
Kent, Dwain	np	0	np	0	np	0	np	0
Hernandez, Marc	np	0	np	0	np	0	np	0
Berke, Daniel L	np	0	np	0	np	0	np	0
Rusanov, Oleg	np	0	np	0	np	0	np	0
Zhang, Jie	*np*	*0*	*np*	*0*	*np*	*0*	np	0
Balboa, Rolando M	np	0	np	0	np	0	np	0
Way, Kashi	np	0	np	0	np	0	np	0
Joo, Michael	np	0	np	0	np	0	np	0
Gearhart, Andrew	np	0	np	0	np	0	np	0
Tang, Julian	np	0	np	0	np	0	np	0
Tulleners, Christopher	np	0	np	0	np	0	np	0
Lee, Hans	np	0	np	0	np	0	np	0
Stoy, Patrick	np	0	np	0	np	0	np	0
Chan, Geoffrey	np	0	np	0	np	0	np	0
Cheng, Thomas	np	0	np	0	np	0	np	0
Cheng, Norman	np	0	np	0	17	140	np	0
Foellmer, Oliver K	np	0	np	0	np	0	np	0
Lee, Tobias T	np	0	np	0	np	0	np	0
Phillips, Jasper	np	0	np	0	np	0	np	0
Mistretta, Alex	np	0	np	0	np	0	np	0
Boustany, Marc	np	0	np	0	np	0	np	0
Jones, Bryan T	np	0	np	0	np	0	np	0
Lee, David S	np	0	np	0	np	0	np	0
Towster, Robert	np	0	np	0	np	0	np	0

np = Did not earn points (including not competing)

2026-2027 USA Fencing Rolling Point Standings
V50MF

CURRENT AS OF 10/26/2026	V40 - FEB PLACE	2026 POINTS	V40 - APR PLACE	2026 POINTS	V40 - NTLS PLACE	2026 POINTS	V40 - WORLDS PLACE	2026 POINTS
Geraci, Paul A	np	0	np	0	np	0	np	0
Maurin, Michael	np	0	np	0	np	0	np	0
Rountree, Andrew	np	0	np	0	np	0	np	0
Ornelas, Polo	np	0	np	0	np	0	np	0
Smith, Edward (Ted)	np	0	np	0	np	0	np	0
Korol, Oleg	np	0	np	0	np	0	np	0
Kim, Ethan	np	0	np	0	np	0	np	0
Guerrero, Gonzalo	np	0	np	0	np	0	np	0
Denny, Eric	np	0	np	0	np	0	np	0
Leyland, John	np	0	np	0	np	0	np	0
Walters, John	np	0	np	0	np	0	np	0
Nudelman, Aleksandr	np	0	np	0	np	0	np	0
Heinrich, Kevin B	np	0	np	0	np	0	np	0
Phillips, Daniel	np	0	np	0	np	0	np	0
Beasley, Julien	np	0	np	0	np	0	np	0

np = Did not earn points (including not competing)